

Bản án số: 215/2021/HS-ST
Ngày 25 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung;

Ông Doãn Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 216/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 179/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021, đối với:

- Bị cáo: Lê Công T, sinh ngày 05 tháng 12 năm 1990 tại Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: Ấp T1, xã S, huyện T2, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công T3, sinh năm 1968 và bà Võ Thị L, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Ngày 23/7/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 28/8/2019; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/6/2021 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Trương Ứng M, sinh năm 1965; nơi cư trú Ấp T1, xã S, huyện T2, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Cháu Nguyễn Huỳnh G, sinh năm 2008; nơi cư trú: Tập đoàn 5B, Ấp T1, xã S, huyện T2, tỉnh Đồng Nai; số điện thoại: 0772.010.402;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Giang: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1985; cùng cư trú tại: Ấp T1, xã S, huyện T2, tỉnh Đồng Nai;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1966; nơi cư trú: Ấp Q, xã Đ, huyện T2, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa;

2. Bà Võ Thị L, sinh năm 1965; nơi cư trú: Cánh đồng 3, Ấp T1, xã S, huyện T2, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Lê Công T là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và có 01 tiền án về tội: "Cướp giật tài sản", chưa được xóa án tích. Để có tiền tiêu xài T đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản và 01 vụ cướp giật tài sản. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 10 giờ 48 phút ngày 03/5/2021, T điều khiển xe mô tô biển số 60S8-7203 đi tìm tài sản để trộm cắp, khi đến nhà bà Trương Ứng M ở Ấp T1, xã S, huyện T2, thấy có 01 tủ bán bánh bò sát đường đi không ai trông coi, T dừng xe ngoài lề đường rồi đi đến tủ bánh bò của bà M, đưa tay vào ngăn kéo tủ bánh bò trộm cắp một xấp tiền rồi giấu vào túi quần sau đó đi về nhà. Khi về nhà T kiểm đếm được số tiền 52.000 đồng (*năm mươi hai nghìn đồng*) và tiêu xài cá nhân hết. Đến tối cùng ngày gia đình bà M phát hiện bị mất tiền, anh Sầm Lý P (con ruột bà M) kiểm tra camera an ninh thấy T đã trộm cắp tiền nên đăng hình ảnh lên mạng xã hội Facebook; T sợ hàng xóm phát hiện nên nói với mẹ mình là bà Võ Thị L dẫn T đến nhà anh P để xin lỗi và trả lại số tiền mà T đã trộm cắp, xin gia đình anh P gỡ hình ảnh đã đăng tải trên mạng xã hội Facebook. Gia đình bà M, anh P không nhận lại tiền và không yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 08 giờ 20 phút ngày 26/5/2021, T điều khiển xe mô tô biển số 60S8-7203 đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến quán nước giải khát của chị Nguyễn Thị K tại Ấp T1, xã S, huyện T2 thì thấy cháu Nguyễn Huỳnh G, sinh ngày: 25/7/2008 (con chị K) đang sử dụng điện thoại OPPO F3 màu hồng để học bài, T nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của cháu G đang sử dụng, T dựng xe ở ngoài rồi vào quán giả vờ xin đi vệ sinh nhằm mục đích để quan sát có ai ở nhà cùng cháu G hay không. Sau khi quan sát, thấy không có ai

mà chỉ có cháu G nên T đi ra ngoài nỏ xe máy, rồi quay vào giật điện thoại mà cháu G đang cầm trên tay rồi nhanh chóng lên xe bỏ chạy về nhà cất giấu điện thoại vừa cướp giật được. Sau đó T biết mẹ mình là bà Võ Thị L muốn mua điện thoại để sử dụng, nên T nói với bà L đưa cho T số tiền 900.000 đồng (*chín trăm nghìn đồng*) để đi mua điện thoại giúp bà L; sau đó T đưa điện thoại cướp giật được cho bà L sử dụng. Quá trình điều tra bà L biết T đã chiếm đoạt tài sản là điện thoại OPPO F3 nên đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trảng Bom (tại các bút lục: 55-68; 69-91).

Ngoài ra vào ngày 15/06/2021, anh Đặng Minh V ở ấp Ấp T1, xã S, huyện T2 đến công an xã S trình báo việc gia đình anh V bị mất tài sản gồm: 01 máy tính bảng và 02 điện thoại di động, qua hình ảnh trích xuất từ Camera an ninh của nhà anh V thì thấy có 01 thanh niên đột nhập vào lúc 16 giờ 21 phút 37 giây ngày 12/5/2021, anh V nghi ngờ người thanh niên đó là Lê Công T, nên trình báo Công an xã S. Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an xã S đã tiến hành làm việc với T, nhưng T không thừa nhận việc trộm cắp tài sản của anh Đặng Minh V, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra không khởi tố đối với T về hành vi trộm cắp tài sản của anh V.

2. Định giá tài sản:

Tại bản kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom kết luận: Điện thoại OPPO F3 có trị giá 1.500.000 đồng (*Một triệu, năm trăm ngàn đồng*) (bút lục số: 38-40).

3. Vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3, màu hồng đã qua sử dụng (đây là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thị K; Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trảng Bom đã trả lại cho chị K)

- 01 USB lưu giữ hình ảnh camera an ninh liên quan đến việc Lê Công T vào nhà anh Vũ do anh Đặng Minh V giao nộp;

- Đối với 01 xe mô tô gắn biển số 60S8-7203, nhãn hiệu Talen, số máy VTTJL1B52FMH-X006803, số khung RRRW0H1UM5X006803.

5. Về bồi thường dân sự:

- Sau khi sự việc xảy ra, chị Nguyễn Thị K đã nhận lại điện thoại và không có yêu cầu gì về phần dân sự.

- Bà Trương Ứng M không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã trộm cắp và không có yêu cầu gì khác.

6. *Truy tố*: Tại bản Cáo trạng số: 230/CT-VKS-TB ngày 30 tháng 9 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố Lê Công T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm g, i Khoản 2, Điều 171 và tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

7. *Trình bày của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng tại phiên tòa*:

7.1 *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị*:

- Áp dụng điểm g, i khoản 2 Điều 171; điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Lê Công T từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù về tội trộm cắp tài sản và từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm tù về tội cướp giật tài sản.

- Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét;

- Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm.

7.2 *Bị cáo và người tham gia tố tụng trình bày*:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến và lời khai trong quá trình điều tra và truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Tố tụng*:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N, bà Võ Thị L vắng mặt. Tuy nhiên, bà N và bà L đã cung cấp đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự; Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về tội danh*:

Lê Công T là đối tượng nghiện ma túy và đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể: Để có tiền tiêu xài, vào khoảng 10 giờ 48 phút ngày 03/5/2021, Lê Công T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, chiếm đoạt số tiền 52.000 đồng của bà Trương Ứng M và thực hiện hành vi cướp giật 01 điện thoại OPPO F3 màu hồng của cháu Nguyễn Huỳnh G vào ngày 26/5/2021.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Công T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định Lê Công T đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” theo điểm g, i Khoản 2, Điều 171 và tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về trách nhiệm hình sự:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc trường hợp được quy định tại điểm s khoản 1 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

3.3. Về hình phạt:

Hành vi của Lê Công T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Bản thân bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản và hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hơn nữa, bị cáo đã từng phải chấp hành hình phạt tù đối với tội “cướp giật tài sản” vào năm 2017, mới được tái hòa nhập cộng đồng trong thời gian ngắn, chưa được xóa án tích nhưng không lo tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội thể hiện sự xem thường pháp luật; Do đó, cần áp dụng một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm trong xã hội. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án;

[4] Về xử lý vật chứng:

- Lưu hồ sơ vụ án 01 USB lưu giữ hình ảnh camera an ninh liên quan đến việc Lê Công T vào nhà anh V do anh Đặng Minh V giao nộp;
- Đối với 01 xe mô tô biển số 60S8-7203, nhãn hiệu Talen, qua xác minh

thể hiện biển số xe và số máy, số khung không trùng khớp với nhau. Biển số 60S8-7203 là xe mô tô nhãn hiệu Majesty, màu sơn: Xanh, số máy FMH-104132, số khung TT-104132, người đăng ký là bà Trần Thị N, sinh năm 1966, HKTT: ấp Q, xã Đ, huyện T. Còn số máy VTTJL1B52FMH-X006803, số khung RRRKW0H1UM5X006803 không xác định được biển số cũng như chủ phương tiện. Qua làm việc, bà N khai không mua bán hay đứng tên xe mô tô trên, còn chồng bà N cho ai mượn giấy tờ để mua xe trên thì bà N không biết, hiện tại chồng bà N đã chết nên không xác định được. Bà Võ Thị L (mẹ ruột của T) khai nhận đã mua xe trên của một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) tại xã B với giá 1.200.000 đồng, không có giấy chứng nhận đăng ký xe, không viết giấy tờ mua bán. Bà L mua để có phương tiện đi lại, trong quá trình sử dụng thì T đã lấy xe trên để thực hiện hành vi phạm tội. Khi T sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội thì bà L không biết. Do đó, đề nghị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trảng Bom tiếp tục điều tra làm rõ nguồn gốc xe mô tô nêu trên, khi có kết quả sẽ xử lý sau.

[5] Về dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm;

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với các nhận định nêu trên nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g, i khoản 2 Điều 171; điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Lê Công T phạm tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Lê Công T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 18 tháng 6 năm 2021.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Lưu hồ sơ vụ án 01 USB lưu giữ hình ảnh camera an ninh liên quan đến việc Lê Công T vào nhà anh V do anh Đặng Minh V giao nộp;

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Công T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Công T, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị K, bà Võ Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bà Trương Ứng M và bà Trần Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- NLQ;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Thùy Trinh